

CÔNG TY CỔ PHẦN M&E HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN M&E HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: M&E HANOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: M&E HANOI .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108251217

3. Ngày thành lập: 27/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 15, ngõ 89 phố Phú La, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942862265

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
2.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
3.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
4.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
5.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
6.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
9.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
10.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
11.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
12.	Phá dỡ	4311
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Nhóm này gồm: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa công... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ đắp đường, các cơ sở hạ tầng công).	4290(Chính)
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

17.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Cụ thể:-Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; -Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.	8299
19.	Xây dựng công trình công ích	4220
20.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
21.	Đại lý, môi giới, đấu giá (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Nhóm này gồm: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; -Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
25.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: Bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
26.	Bốc xếp hàng hóa	5224
27.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
28.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Nhóm này gồm: - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: + Động cơ, + Dụng cụ máy, + Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, + Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, + Thiết bị đo lường và điều khiển, + Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác; - Cho thuê container; - Cho thuê palet.	7730

29.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
30.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
31.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
32.	Xây dựng nhà các loại	4100
33.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Nhóm này gồm: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
36.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
37.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Đồ ngũ kim; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Kính phẳng; - Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Thiết bị và vật liệu để tự làm.	4752
38.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ: Đầu giá bán lẻ qua điện thoại, internet.)	4791
39.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
40.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
41.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
42.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
43.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Nhóm này gồm: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
44.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
45.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
46.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

47.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
48.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
49.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
50.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
51.	Đóng tàu và cầu kiện nổi Cụ thể: - Xây dựng dàn khoan, tàu nổi hoặc tàu lặn; - Thiết lập cầu kiện nổi: Sàn tàu nổi, thuyền phao, giếng kín, giàn nổi, phao cứu đắm, xà lan nổi, xà lan bốc dỡ hàng, cần trục nổi, mảng hơi không thể tái tạo... ; - Sản xuất các bộ phận cho cầu kiện nổi.	3011
52.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
53.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Nhóm này gồm: - Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đặc cố định trong nhà cách điện bằng gốm; - Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hoá học và các sản phẩm công nghiệp.	2393
54.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
55.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
56.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Nhóm này gồm: Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm.	2732
57.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
58.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
59.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
60.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
61.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
62.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng... - Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô; - Sản xuất vật liệu cách âm khoáng như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm; - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện); - Sản xuất các sản phẩm từ asphalt và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính asphalt, xỉ than; - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).	2399
63.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
64.	Đúc sắt, thép	2431

65.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
66.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
67.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
68.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
69.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
70.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
71.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
72.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
73.	Sản xuất thiết bị điện khác Cụ thể: - Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn; - Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện; - Sản xuất chuông điện; - Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện; - Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa); - Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục; - Sản xuất máy cung cấp năng lượng liên tục (UPS); - Sản xuất máy triệt sự trào; - Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện; - Sản xuất điện cực cacbon và graphit, kết nối, các sản phẩm cacbon và graphit điện khác; - Sản xuất máy thực hành gia tốc; - Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc; - Sản xuất súng cầm tay hàn sắt; - Sản xuất nam châm điện; - Sản xuất còi báo động; - Sản xuất bảng ghi tỉ số điện tử; - Sản xuất các thiết bị tín hiệu như đèn giao thông và thiết bị dấu hiệu bộ hành; - Sản xuất vật cách điện (trừ bằng thủy tinh và sứ), dây cáp kim loại cơ bản; - Sản xuất các thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong; - Sản xuất các thiết bị hàn điện, bao gồm máy hàn thép cầm tay.	2790
74.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
75.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
76.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

6. Vốn điều lệ: 9.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐÌNH THI	Số 61 Ngõ Tự Do, Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	304.000	3.040.000.000	32,000	036079000123	
			Tổng số	304.000	3.040.000.000	32,000		
2	ĐỖ MẠNH HỘ	Tổ dân phố Bắc Thịnh, Thị trấn Cát Thành, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	304.000	3.040.000.000	32,000	162497800	
			Tổng số	304.000	3.040.000.000	32,000		
3	NGUYỄN MẠNH HẢI	Đội 10, Thôn An Quý, Xã An Khê, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	294.500	2.945.000.000	31,000	034086008361	
			Tổng số	294.500	2.945.000.000	31,000		
4	NGÔ XUÂN THỂ	Số nhà 70 Tổ 1, Khu Tân Bình, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	47.500	475.000.000	5,000	036068000259	
			Tổng số	47.500	475.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ XUÂN THỂ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/05/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036068000259

Ngày cấp: 12/08/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 70 Tổ 1, Khu Tân Bình, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 70 Tổ 1, Khu Tân Bình, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội